TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BUÔN ĐÔN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày: 29-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phi Long

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phượng và bà Lưu Thị Hằng.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo: **Đồng Thị L**, sinh năm 1982 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Số 56/5 Nguyễn Thị Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Đồng Văn H, sinh năm 1955 và bà Triệu Thị M (Đã chết). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đồng Thị L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 27/01/2025 đến ngày 05/02/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (có mặt).

- Bị hại: Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1967.
  Nơi cư trú: Thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Hà Mi L, sinh năm 1983.
  Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
- Người làm chứng: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 2003.
  Nơi cư trú: Thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đồng Thị L là nhân viên tiếp thị mặt hàng mì ăn liền và nước giải khát, thường vào khu vực chợ xã E, huyện B để tiếp thị sản phẩm nên có quen biết với bà Đoàn Thị C là người có cửa hàng tạp hóa tại chợ xã E thuộc thôn 18A, xã E,

huyện B. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 22/12/2024, L vào tiếp thị sản phẩm tại cửa hàng tạp hóa của bà C. Do bị mệt nên bà C nằm trên sạp bằng gỗ trước cửa hàng và nói chuyện với L khoảng 15 phút thì bà C nhờ L bôi dầu gió và xoa bóp lưng giúp mình. Trong lúc xoa bóp lưng cho bà C thì L nhìn thấy trong chiếc túi ni lon đang đặt bên cạnh bà C có đựng túi tiền và áo khoác của bà C, do đang nợ tiền nên L nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà C. L dùng tay phải xoa lưng cho bà C còn tay trái đưa vào trong túi ni lon, sờ được túi đựng tiền, tiếp đó L mở dây kéo của túi tiền lấy được một cọc tiền được buộc bằng dây thun, L bỏ cọc tiền này vào túi xách của mình, sau đó kéo dây khoá túi tiền của bà C lại. Một lát sau bà C đỡ mệt nên L đi về. Sau khi về nhà, L cất túi xách đựng tiền vào tủ khóa lại. Đến ngày 25/12/2024, L lấy ra kiểm đếm và xác định số tiền đã trộm được là 52.000.000 đồng, đều là loại tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng được cột chung với nhau thành một cọc bằng dây thun; L đã sử dụng 18.000.000 đồng đưa cho chị dâu của mình là Lê Hà Mi L để góp tiền chữa bệnh cho bố của mình là ông Đồng Văn H (đang điều trị bệnh tại bệnh viện C). L sử dụng 30.000.000 đồng để trả nợ cho một người phụ nữ tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch), số tiền còn lại 4.000.000 đồng L tiêu xài cá nhân. Về phần bà Đoàn Thị C sau khi từ cửa hàng tạp hóa của mình về thì bị ốm nên nhập viện điều trị, khi lấy túi tiền ra kiểm tra mới phát hiện bị mất số tiền 52.000.000 đồng bao gồm toàn bộ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng, được bà cột riêng thành một cọc để trả tiền nợ, tuy nhiên bà C không biết ai trộm cắp. Ngày 18/01/2025, con gái bà Cúc là chị Lê Thị Mỹ T biết sự việc nên nghi ngờ L là người trộm tiền, ngày 25/01/2025, T hẹn gặp L tại xã E, huyện B để hỏi chuyện làm rõ nghi vấn, tại đây L đã thừa nhận với chị T về việc đã trộm cắp tiền của bà C vào ngày 22/12/2024. Ngày 26/01/2025 chị T đến Công an xã C tố cáo hành vi của L, cùng ngày L cũng đã đến Cơ quan Công an để đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 13/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Đồng Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đồng Thị L thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo thực hiện ngày 22/12/2024, lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đánh giá, phân tích chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đồng Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Thị L từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm.

- Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo Luận giao nộp là để khắc phục hậu quả cho bị hại bà Đoàn Thị C, ngày

28/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà bà Đoàn Thị C số tiền trên là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo Đồng Thị L bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trang tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo Đồng Thị L tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp lời khai bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở xác định: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào ngày 22/12/2024, tại chợ xã E thuộc thôn 18A, xã E, huyện B tỉnh Đắk Lắk, Đồng Thị L đã có hành vi trộm cắp số tiền 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng) của bà Đoàn Thị C.

Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, không những xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi do mình thực hiện cũng như hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Đồng Thị L đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

……..

[3] Về tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo phải biết quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, bị

cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra thì mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đồng Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn đối với hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho người bị hại số tiền đã trộm cắp, bị cáo ra đầu thú, người bị hại Đoàn Thị C có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật. Xét thấy bị cáo Đồng Thị L có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 50.000.000 đồng cho bị hại bà Đoàn Thị C. Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị hại bà Đoàn Thị C không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại bà Đoàn Thị C không yêu cầu bị cáo Đồng Thị L phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo Đồng Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đồng Thị L phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đồng Thị L 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đồng Thị L cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đồng Thị L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo Đồng Thị L phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Cấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 50.000.000 đồng cho bị hại bà Đoàn Thị C.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Đồng Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn (02 bản);
- Phòng PV 27 – Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng GĐKT 2 TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phân trại tạm giam khu vực B;
- UBND phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục T.H.A DS huyện Buôn Đôn;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.